

THAY LỜI TỰA

Trì Thế Bồ Tát có tên Phạn là Àrya Sutàre (Thánh Thiện Cứu Độ) hay Sudhàre (Thiện Trì), Dhàralokajvala (Trì Thế Quang Minh), nhưng trong các Kinh bản thì thường dùng tên gọi là Vasudhàra hoặc Vasudhàri (Danh xưng này tương đương với các vị Thần Đất hay bảo vệ mùa màng thuộc truyền thống Ấn Độ)

Trì Thế có nghĩa là :Tiêu diệt hết thảm tai họa bệnh tật của Chúng Sinh. Vì kẻ bần cùng liền tuôn mưa tất cả loại trân bảo, lúa gạo, lúa mạch... khiến cho họ thọ nhận các sự vui thích, an ổn, giàu có. Do Tôn này hay hộ trì Thế Gian nên được gọi là Trì Thế .

Có thuyết cho rằng Trì Thế Bồ Tát (Dhàralokajvala Bodhisatva) là hóa thân của Bảo Sinh Như Lai (Ratnasambhava Tathàgata) . Hoặc cho rằng Trì Thế là một Tôn trong Liên Hoa Bộ (Padma Kulàya).

_ Tôn Tượng của Trì Thế Bồ Tát được ghi nhận là:



Thân hình và dung mạo có màu xanh, màu vàng. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, thân đeo mọi thứ Anh Lạc, vòng xuyên, các vật trang nghiêm. Tay phải cầm quả Phả La (Trái Thạch Lựu) , tay trái tác thế Dữ Nguyện . Tượng có 4 đầu, khuôn mặt chính mỉm cười theo thế xem xét Chú Sư. Bên dưới tòa sen có hai vị Long Vương (Nàgaraja) :Một vị dùng tay nâng cái hộp bảy báu, một vị cầm cái bình báu. Hai vị Long Vương ấy đều có thân người và ngâm nửa mình trong nước, trên đầu có một đầu Long Xà đeo viên ngọc báu.

Bên phải Tượng là vị Trời **Đại Thắng Thiên** (Mahà Jaya Deva) có một tay cầm hoa sen, một tay tác thế triệu mời.

Ở phía trên Tượng , hai bên có hai vị Thiên Tiên tuôn mưa 7 báu tràn đầy trong hư không.

Bên trái của tượng Trì Thế là cái tháp Suất Đổ Ba (Stùpa)

Bên trên Đại Thắng Thiên có một Thiên Nhân cầm viên ngọc báu chấp tay hướng về Đại Thắng Thiên

_ Hoặc ghi nhận Tôn Tượng là:



Thân hình màu vàng, một mặt hai tay: Tay phải cầm trái Thạch Lựu, tay trái tác thế Thí Vô Úy. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, đầu đội mào, thân khoác áo lụa mỏng, trang sức bằng mọi thứ anh lạc vòng xuyên châu báu...

_ Theo truyền thống Hoa Văn: **Trì Thế Đà La Ni Pháp** còn được gọi là **Vũ Bảo Đà La Ni Pháp**. Đây là Pháp tu cầu về Phước Đức, rất có lợi ích cho người tu tại gia. Pháp này được thành lập từ 4 bản Kinh:

1_ **Trì Thế Đà La Ni Kinh** (Vasudhàrà dhàraṇi sutra) do Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG dịch thuật vào đời Đường

2_ **Phật Thuyết Vũ Bảo Đà La Ni Kinh** do ngài Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG dịch vào đời Đường.

Hai bản Kinh này là hai bản dịch khác nhau của cùng một bản, chỉ sai khác về bài Chú dài ngắn (2 bản Chú bằng chữ Tát Đàn đều được ghi nhận trong Đại Chính Tạng, sách 20, trang 669). Ngoài ra bản dịch của ngài BẤT KHÔNG có ghi thêm 3 câu Chân Ngôn của Trì Thế Bồ Tát mà bản dịch của ngài HUYỀN TRANG không có.

3_ **Phật Thuyết Đại Thừa Thánh Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh** do ngài PHÁP THIÊN dịch vào đời Tống.

4_ **Thánh Trì Thế Đà La Ni Kinh** do ngài THI HỘ dịch vào đời Tống

Hệ thống Mật Giáo dựa vào 4 bản dịch này mà thành lập **Bản Tôn** của Pháp tu này là Trì Thế Bồ Tát hoặc Bảo Sinh Như Lai. Ngài NGHĨA TỊNH đã biên soạn thêm bộ **Trì Thế Đà La Ni Biệt Hạnh Công Năng Pháp**.

_ Trì Thế Bồ Tát có chủng tử là chữ DA (𑖂) mang nghĩa “*Thí Dữ* (ban cho) *bất khả đắc*” biểu thị cho việc *ban bố mọi thứ trân bảo cho chúng sinh*

_ Tam Ma Gia Hình của Ngài là quả **Phả La** tức là trái Thạch Lựu. Đây là loại trái cây chứa đầy hạt bên trong nên được biểu thị cho nghĩa **Tăng Ích**. Do đó Thế của nó giống như viên ngọc báu.

_ **Ấn Căn Bản** của Trì Thế Bồ Tát là: Đem ngón vô danh vịn vắn lông trên của ngón cái, lại đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh (hai tay như nhau). Cùng hợp cổ tay, đem hai ngón út cài buộc dính trên lưng lông giữa của ngón giữa sao cho đầu hai ngón giữa dính nhau, kèm cứng song song hai ngón cái và hai ngón trở.

Chân Ngôn của Ấn trên là:

Căn Bản Chú :

OM VASUDHÀRI SVÀHÀ

Tâm Chân Ngôn:

OM ‘SRÌ VASU SVÀHÀ

Tâm Trung Tâm Chân Ngôn :

OM VASU SVÀHÀ

_ Ngày bắt đầu tu hành thì có các thời gian sau:

Biệt Hạnh Pháp ghi là: Bắt đầu từ ngày mồng một của tháng ba

Lại ghi rằng: Bắt đầu tu hành từ ngày 14 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) cho đến hết ngày 15 thì xong

Hoặc bắt đầu từ ngày mồng 8 cho đến hết ngày 15 thì xong

_ Về phương hướng thì quay mặt hướng về mặt trời mà tụng Chú.

Lại ghi là: Trước Tháp Xá Lợi , an trí Tượng hướng mặt về phương Tây. Chú Sư ngồi trước Tượng và hướng về mặt Tượng (tức là Chú Sư hướng mặt về phương Đông)

_ Bài **Tán Thán Bồ Tát** là:

KAMALA MUKHE

KAMALA LOCANA

KAMALÀSANA

KAMALA HASTA

KAMALA BHAMUNI

KAMALA KAMALASAMBHAVA

KAMALA KṢARA

NAMOSTUTE

Kinh ghi: *“Nếu hay chí thành cúng dường Tam Bảo, niệm tụng Đại Đà La Ni Kinh như vậy bảy ngày đêm không gián đoạn thì chư Thiên, Long Thần đều sinh vui vẻ, âm thầm đến tuôn mưa tài bảo lúa gạo. Diệt trừ hết thủy bệnh dịch, nạn đốt khát và diệt trừ tất cả tội chướng. Tất cả hiểm họa đều được an ninh, tăng dần Phước Tuệ, mong cầu như ý, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề”*

Một số Kinh bản khác thì ghi nhận Chân Ngôn của Trì Thế là:

.) Địa Thiên Pháp Ấn Chú:

OM VASUDHÀRI DHÀNADÀYA PRABHARATNI SVÀHÀ

(Nếu thường tụng Chú này , cúng dường **Địa Thiên** (Pṛthivi Devi) sẽ được các thứ trân bảo)

.) Riêng Ấn Độ thì lưu truyền câu Chú là:

OM ‘SRÌ VASUDHÀRA RATNA NIDHÀNA KASHETRI SVÀHÀ

Nay dựa theo Kinh Tạng , tôi xin phiên dịch lại 4 Kinh bản trên với mục đích giúp cho người đang tìm hiểu Mật Giáo có tài liệu nghiên cứu. Trong phần dịch thuật, tôi phối hợp hai bản Tán Đàn của ngài HUYỀN TRANG và ngài BÁT KHÔNG để tái tạo lại bài Phạn Chú của Bồ Tát Trì Thế kèm theo nghĩa thú cơ bản. Ngoài ra tôi chèn thêm một số văn tự Tán Đàn vào các Kinh bản nhằm giúp cho người đọc dễ tham khảo. Lẽ tất nhiên, công việc này còn nhiều khiếm khuyết nên tôi chân thành cầu xin các bậc Đại Đức, chư vị Long Tượng của Mật Giáo hãy rủ lòng Từ Bi giúp cho các bản dịch được hoàn chỉnh hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Pháp Quang**, Thầy **Thích Quảng Trí** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy con nghiên cứu các Pháp Tu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cảm tạ anh **Nguyễn Đình Tạc**, chị **Nguyễn Thị Mộng Hương** đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi xin chân thành cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Đầu mùa Đông năm Bính Tuất (2006)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

वसुधै र्वाणि
VASUDHÀRA DHÀRAṆÌ
(TRÌ THẾ ĐÀ LA NI)

Phục hồi và chú thích Phạm Văn: HUYỀN THANH

नमः शक्रवज्र वज्रधरैः सगरैः निरघोषयैः तथगतैः
NAMO VAJRADHÀRA SÀGARA NIRGHOṢÀYA TATHÀGATÀYA (Quy
mệnh Kim Cương Trì Hải Âm Như Lai)

तद्यथा

TADYATHÀ (Như vậy, liền nói Chú là)

ॐ

OM (Cảnh giác)

सुरूपे भद्रवति मंगलवति

SURÙPE (Diệu sắc) BHADRAVATI (Cụ Hiện) MAMGALAVATI (Cụ
khánh: đầy đủ sự mừng vui tốt đẹp)

स्रव्ये स्रव्ये

ACALE (Bất động) ACÀPALE (Không có sự thay đổi)

उद्यतौ

UDGHÀTANI (Bắt đầu, quấy rối, ám chỉ)

उद्भेदौ

UDBHEDANI (Hành động bẻ gãy, dẫn tới phía trước)

सस्यवति शक्रवति शक्रवति

SASYAVATI (Cụ ngũ cốc: đầy đủ ngũ cốc) DHÀDYAVATI (Cụ tài: đầy đủ
tiền của) DHÀNAVATI (Cụ tài sản: đầy đủ tài sản)

श्रीमते चक्रवति

‘SRÌMATI (Cát Tường Tuệ) PRABHAVATI (Cụ quang: đầy đủ ánh sáng)

श्रमते श्रमते इति श्रमते श्रमते श्रमते श्रमते

AMALE (Vô cấu: không dơ bẩn) VIMALE (Ly cấu: lìa sự bợn bẩn) RURU (Nội
trần và ngoại trần: bụi bên trong và bụi bên ngoài) VIMALE (Ly cấu) ANATASTHÌ
(Không có gì không nhìn) VEDA TASTHÌ (Nhìn theo kiến thức thông tuệ)

विस्वके

VI’SVA KE’SI (Sự phát sáng xảo diệu)

श्रवते श्रवते मकुले

ANUTTARA ANAKULE (Vô thượng an tĩnh) MAKULE (Phát triển)

धेधे म

DHIDHI ME (Tôi suy nghĩ hiểu biết)

३३ ५

DHUDHU ME (Tôi lay động rung chuyển)

१३५

TÀTURI (Chinh phục chiến thắng)

११२

TÀRA TÀRA (Cứu độ, cứu giúp)

२३२३

VAJRA VAJRÌ (Kim cương, có tính như Kim Cương)

१२३४ ५६७ ८९१०

AVARTTANI (Không chuyển) SVABHÀVA MANUSMARA (Ghi nhớ Tự
Tính)

३४ ५६ ७८९ १०११ १२ १३ १४ १५ १६

BHUNKE (Hưởng thụ) OKE (Nơi trú ngụ che chở) TAKE TAKE (Ôm mang
chịu đựng) VARṢṢI (Cơn mưa) NIṢPÀDANI (Tạo ra, làm thành)

१२३ ४५६ ७८९ १०११ १२ १३ १४ १५ १६ १७ १८ १९ २०

BHAGAVAM VAJRADHÀRA SÀGARA NIRGHOṢAM TATHÀGATÀYA
MANUSMARA (Ghi nhớ Đức Thế Tôn Kim Cương Trì Hải Am Như Lai)

१ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९ १० ११ १२ १३ १४ १५ १६ १७ १८ १९ २०

SARVA TATHÀGATA SATYA MANUSMARA (Ghi nhớ sự chân thật của tất
cả Như Lai)

१ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९ १० ११ १२ १३ १४ १५ १६ १७ १८ १९ २०

DHARMA SATYA MANUSMARA (Ghi nhớ sự chân thật của Pháp)

१ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९ १० ११ १२ १३ १४ १५ १६ १७ १८ १९ २०

SAMGHA SATYA MANUSMARA (Ghi nhớ sự chân thật của Tăng Già)

१ २

TATA TATA (Trước là, cốt nhất, thoát tiên)

१ २

PURA PURA (Đầy đủ, đầy đủ)

१ २ ३

PURAYA PURAYA (Hãy làm cho đầy)

१ २

PURṆA PURṆA (Làm cho đầy đủ)

१ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९ १० ११ १२ १३ १४ १५ १६ १७ १८ १९ २०

SARVATHÀ SARVA SATVANÀM CA (Tất cả chúng sinh ở khắp nơi)

१ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९ १० ११ १२ १३ १४ १५ १६ १७ १८ १९ २०

BHARA BHARA BHARAṆI (Hỗ trợ, giúp đỡ, làm bậc trợ giúp)

१ २ ३ ४ ५ ६ ७ ८ ९ १० ११ १२ १३ १४ १५ १६ १७ १८ १९ २०

SUMAMGALA (Thiện cát khánh : khéo làm cho tốt đẹp)

सुमङ्गल

‘SANTA MATI (Tịch Tĩnh Tuệ)

शिवमति

‘SIVA MATI (Kính Ai Tuệ)

सिवात्मनि

MAMGALA MATI (Cát Khánh Tuệ)

सुखमति

PRABHÀ MATI (Quang Tuệ)

प्रबुद्धमति

MAHÀ MATI (Đại Tuệ)

महामति

BHADRA MATI (Hiền Tuệ)

प्रबुद्ध

ÀGACCHA ÀGACCHA (Đừng đi, đừng đi)

समय मनुस्मरि सुख

SAMAYA MANUSMARA (Hãy ghi nhớ lời thề của mình) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

सुख मनुस्मरि सुख

A DHÀRA MANUSMARA (Ghi nhớ sự vô sinh bất diệt) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

सुख मनुस्मरि सुख

PRABHÀVA MANUSMARA (Ghi nhớ sự Có thắng thượng) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

सुख मनुस्मरि सुख

DRDHA MANUSMARA (Ghi nhớ sự kiên cố bền chắc) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

सुख मनुस्मरि सुख

TEJA MANUSMARA (Ghi nhớ Uy Đức) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

सुख मनुस्मरि सुख

JAYA MANUSMARA (Ghi nhớ sự Tôn Thắng) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

सुख मनुस्मरि सुख

VIJAYA MANUSMARA (Ghi nhớ sự tối thắng) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

सुख मनुस्मरि सुख

HRDAYA MANUSMARA (Ghi nhớ trong tâm) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

सुख मनुस्मरि सुख

SARVASATVA MANUSMARA (Ghi nhớ tất cả Hữu Tình) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

ॐ सुवसुधारे नमः

OM (Quy mệnh) SUVASUDHARE (Thiện Trì Thế) SVÀHÀ (Thành tựu viên
mãn)

Hoàn chỉnh Phạm Văn vào ngày 20/06/2006

PHẬT THUYẾT VỮ BẢO ĐÀ LA NI KINH

*Hán dịch : Đời Đường Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG phụng
chiếu dịch*

Việt dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Bạc Già Phạm ngự tại rừng Kiến Tra Ca thuộc nước Kiều Thượng Di cùng với chúng Đại Bát Sô gồm có 500 người và rất nhiều các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đến hội họp.

Bấy giờ trong nước Kiều Thượng Di có vị Trưởng Giả tên là Diệu Nguyệt vốn là người có các căn tịch tĩnh, tâm ý lặng trong, dẫn theo nhiều nam nữ và tôi tớ đã thành tựu tinh tấn (Niềm tin trong sạch) đi đến nơi Phật ngự, cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật trăm ngàn vòng rồi lui về trụ ở một bên, chấp tay cung kính bạch Phật rằng : " Thế Tôn ! Con có chút nghi ngờ, muốn thưa hỏi Đấng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Nguyện xin Đấng Từ Bi rĩ lòng thương lắng nghe và hứa cho "

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Trưởng Giả rằng : " Ý ông đã muốn hỏi. Ta sẽ vì ông mà nói để cho Tâm ông được vui "

Trưởng Giả nghe xong liền vui mừng hớn hở.

" Bạch Đức Thế Tôn ! Làm thế nào mà người trai lành , kẻ nữ thiện , các người nghèo túng có thể được giàu có ? Các kẻ bệnh tật khiến cho không còn có bệnh tật ? "

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng : " Do nhân duyên nào mà ông hỏi như vậy ? "

Thời Trưởng Giả bạch Phật rằng : " Thế Tôn ! Kẻ tại gia chúng con có nhiều quyến thuộc, tiền bạc ít ỏi nên khó có thể chi dụng đủ, lại có nhiều bệnh tật. Nguyện xin Đức Thế Tôn mở bày Pháp yếu khiến cho kẻ nghèo túng xa lìa hẳn sự nghèo cùng, kho lương tiền của đều được dư đầy nhằm chu cấp cho vợ con nam nữ, quyến thuộc trong nhà và có người đến cầu xin thì đều vui vẻ làm vị Đại Thí Chủ khiến cho kho lương, vàng bạc, châu báu, Xích Châu, Mã Não, vàng báu được phong nhiều không bao giờ hết để cấp dưỡng cho thân thuộc , rộng tu Huệ Thí làm lợi ích cho Hữu Tình "

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng : " Nay Thiện Nam Tử ! Vào a tăng kỳ kiếp trong thời quá khứ, Ta đã gặp Đức Phật Thế Tôn tên là **Trì Kim Cương Hải Âm** Như Lai Ứng Chính Biến Tri. Từ Đức Như Lai ấy, Ta nhận được Vữ Bảo Đà La Ni này, rồi thọ trì đọc tụng, suy tư, tùy vui và vì kẻ khác rộng nói lưu bố. Do lực uy đức của Đà La Ni này mà các hàng Trời, Người, Phi Nhân, Dược Xoa, La Sát, Tất Lệ Đa, Tất Xá Già, Cư Bàn Nỗ, Ô Sa Đa La Ca, Bồ Đan Na, Yết Tra Bồ

Đan Na.... Loài khởi tâm ác chẳng có thể làm hại được. Lại có loài quỷ cướp đoạt mỡ tủy, thân thể, máu, nước mũi, thứ khạc nhổ, nước tiểu, phân của loài người và loài muốn đến gây náo hại đều chẳng thể gây chướng ngại"

Đức Phật bảo : " Này Diệu Nguyệt ! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện khởi tâm ghi nhớ dùng tay giữ gìn viết chép cho đến chỉ nghe tên mà thọ trì, tùy vui, rộng vì người khác diễn bày thì kẻ trai lành, người nữ thiện ấy sẽ được an ổn suốt ngày đêm, nhận được sự vui thích vừa ý, là: sự giàu có, an vui, hạt giống tiền của vị Du Già.

Nếu có người thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni này thì nên cúng dường tất cả Như Lai 1 ngày, 2 ngày, hoặc 3 ngày chuyên tâm tụng trì, yêu kính, tin tưởng Tam Bảo ắt chư Thiên đều vui vẻ vì vị Pháp Sư đọc tụng ấy liền tuôn mưa tài bảo, lúa gạo, lúa mì "

Liên nói Đà La Ni là :

- 1) Năng mô bà nga phộc đế
- 2) Phộc nhật-la đà la
- 3) Sa nga la, niết cụ sái gia
- 4) Đát tha nghiệt đa dã
- 5) Đát nễ dã tha: An, tố lỗ bế
- 6) Bạt nại-la phộc đế
- 7) Mãng nga lệ, a tả lệ
- 8) A tả phá lệ
- 9) Ôn già đá nễ
- 10) Ôn bệ ná nễ
- 11) Tát tả phộc đế
- 12) Đà nương phộc đế
- 13) Đà năng phộc đế
- 14) Thất-lij ma đế
- 15) Bát-la bà, phộc đế
- 16) A ma lệ
- 17) Vĩ ma lệ
- 18) Lỗ lỗ
- 19) Tố lỗ bế
- 20) Vĩ ma lệ
- 21) A ná đa tất đế
- 22) Vĩ ná đa tất đế
- 23) Vĩ thấp phộc kế như
- 24) Tả củ lệ
- 25) Mãng củ lệ
- 26) Địa địa minh

- 27) Độ độ minh
- 28) Đá đá lệ
- 29) Đa la, đa la
- 30) Phộc nhật-lê
- 31) A vạt đá nễ
- 32) Bộ kế, ốc kế
- 33) Tra kế, tra kế
- 34) Vạt la-sái ni
- 35) Nễ sáp bá na nễ
- 36) Bà nga vãn
- 37) Phộc nhật-la đà la
- 38) Sa nga la
- 39) Niết cụ sam
- 40) Đát tha nghiệt đá , ma nễ sa-ma la
- 41) Sa-ma la, sa-ma la
- 42) Tát phộc đát tha nghiệt đá
- 43) Tát nễ dã
- 44) Ma nễ sa-ma la
- 45) Tãng già tát đễ-dã, ma nễ sa-ma la
- 46) Đát tra, đát tra
- 47) Bớ la, bớ la
- 48) Bớ la dã, bớ la dã
- 49) Bà la, bà la, bà la nê
- 50) Tố mǎng nga lệ
- 51) Phiến đá, ma đễ
- 52) Mộng nga la, ma đễ
- 53) Bát-la bà, ma đễ, ma ha đễ
- 54) Tố bà nại-la, phộc đễ
- 55) A nghiệt tha, a nghiệt tha
- 56) Tam ma dã, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ
- 57) A đà la, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ
- 58) Bát-la bà phộc, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ
- 59) Đà-ly đễ, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ
- 60) Vĩ nhạ dã, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ
- 61) Tát phộc tát đát-phộc, vĩ nhạ dã, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ

Đức Phật bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả : " Đây gọi là Vũ Bảo Đà La Ni. Do uy lực của Đà La Ni này mà bệnh hoạn, đói kém mất mùa, tật dịch, tội chướng... cả thảy đều tiêu diệt.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện trước tiên nên cúng dường tất cả Như Lai , trong một ngày một đêm tụng trì không có gián đoạn thì ngôi gia ấy liền tuôn mưa báu như lượng một người lớn, tất cả tai họa thảy đều tiêu diệt. Chính vì thế cho nên Thiện Nam Tử nên thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni này, rộng vì người khác phân biệt diễn nói."

_ " Lành thay ! Thế Tôn ! "

Diệu Nguyệt Trưởng Giả nghe lời Phật nói liền vui mừng hơn hở

" Nay con theo Đức Phật nhận Vũ Bảo Đà La Ni này sẽ thọ trì đọc tụng, rộng vì người khác phân biệt giải nói "

Bấy giờ Diệu Nguyệt Trưởng Giả nhận lời dạy của Đức Phật xong liền nhiễu quanh bên phải Đức Thế Tôn trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính cùi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật rồi vui vẻ lui ra.

Khi ấy Đức Phật bảo Cự Thọ A Nan Đà rằng : " Ông đi qua nhà của Diệu Nguyệt Trưởng Giả nhìn xem mọi loại tiền tài, lúa gạo, các vật trân bảo và các vật dụng ở trong kho tàng của vị Trưởng Giả ấy ngày nay đã dư đầy chưa ? "

Lúc đó Cự Thọ A Nan Đà nhận lời Phật dạy xong, đi đến Thành Kiều Thượng Di, vào nhà của Diệu Nguyệt Trưởng Giả nhìn thấy tài bảo trong các kho tàng đều dư đầy. Ngài A Nan trông thấy sự việc này thì tâm rất vui mừng hơn hở đi về

Khi ấy Cự Thọ A Nan Đà khởi tâm khác lạ chưa từng có. Ngài vui vẻ bạch Phật rằng : " Thế Tôn ! Do nhân duyên nào mà kho tàng của Diệu Nguyệt Trưởng Giả lại dư đầy như thế ? "

Đức Phật bảo : " Nay Thiện Nam Tử ! Diệu Nguyệt Trưởng Giả có niềm tin trong sạch nơi Ta , đã thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni này lại vì tất cả Hữu Tình diễn nói. Vì thế nên A Nan Đà ! Hãy thọ trì Đà La Ni này và rộng vì người khác nói. Ta dùng Phật Nhãn xem xét các hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn trong Thế Gian đối với kẻ thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni chẳng dám gây chướng nạn. Vì sao thế ? Vì Như Lai không có nói lời khác (Dị ngữ) Chân Ngôn Cứ này chẳng có thể bị hủy nát được. Đà La Ni này, kẻ Hữu Tình không có căn lành thì có tai cũng chẳng được nghe hưởng chi là viết chép, đọc tụng. Tại sao vậy ? Vì đây là nơi mà tất cả Như Lai tùy hỷ. Là nơi mà tất cả Như Lai khen ngợi. Là nơi mà tất cả Như Lai hiển dương. Là nơi mà tất cả Như Lai gieo trồng hạt giống "

A Nan bạch Phật rằng : " Lành thay ! Thế Tôn ! " Rồi dùng Diệu Già Tha (Gatha:bài kệ)mà nói Tụng là :

Chư Phật khó luận bàn

Phật Pháp cũng như vậy

Tính Tịnh không suy nghĩ

Quả báo cũng như vậy
Tịch Tuệ Nhất Thiết Trí
Pháp Vương chẳng diệt sinh
Đã đến Thắng Bỉ Ngạn
Cúi lạy Phật Dũng Mãnh

Bấy giờ Cụ Thọ A Nan Đà đã nghe Đức Phật nói về Kinh Vũ Bảo Đà La Ni này liền hớn hở vui mừng bạch với Đức Phật rằng :

" Thế Tôn ! Pháp yếu này có tên gọi như thế nào ? Kinh này, ngày nay chúng con thọ trì như thế nào ? "

Đức Phật bảo : ' Này A Nan Đà ! Kinh này có tên là **Diệu Nguyệt Trường Giả Sở Vấn** Ông nên thọ trì, cũng có tên là **Năng Hộ Nhất Thiết Tài Bảo Phục Tàng**, cũng có tên là **Nhất Thiết Như Lai Xưng Tán Vũ Bảo Đà La Ni Giáo** Ông nên thọ trì "

Thời Đức Bạc Già Phạm nói Kinh này xong thì vô lượng Bát Sô và các Bồ Tát với chư Thiên, Người, A Tô La... tất cả Đại Chúng nghe điều Phật nói đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

_ Tâm Chân Ngôn là :

" **An Phộc Tố đà lệ, sa-phộc hạ** "

ॐ वसुधारे सुवाहा

*) OM_ VASUDHARE_ SVÀHÀ

_ Tâm Trung Tâm Chân Ngôn là :

" **An _ Thất-lị phộc tố, sa-phộc hạ** "

ॐ श्री वसु सुवाहा

*) OM_ 'SRÌ VASU_ SVÀHÀ

_ Tiểu Tâm Chân Ngôn là :

' **An _ Phộc tố, sa-phộc hạ** "

ॐ वसु सुवाहा

*) OM_ VASU_ SVÀHÀ

PHẬT THUYẾT VŨ BẢO ĐÀ LA NI KINH (Hết)

VŨ BẢO ĐÀ LA NI

Dịch âm: HUYỀN THANH

ନମୋ ଭଗବାତେ ବଜ୍ରାଦି ମାଗା ଉଲ୍ଲାସୟ ନିର୍ଘୋଷୟ
NAMO BHAGAVATE VAJRADHARA SÀGARA NIRGHOSHÀYA
TATHÀGATÀYA

ନମଃ ଓଁ ସୁରୁପେ ବନ୍ଦ୍ରା ବାତି ମୋମ୍ଗାଲେ ଅକାଲେ
ଓରୁପେ ମଶ୍ରୁବେ ଦକ୍ଷିଣେ ଦକ୍ଷିଣେ ହିମାଳୟେ ସୁରୁବେ ମୁମ୍ଭେ
ଉଲ୍ଲେ ଓଁ ସୁରୁପେ ଉଲ୍ଲେ ମୁଦନେ ଉଦନେ ଉଦନେ ମୁଦ୍ଧେ
ଓଁ ଉଲ୍ଲେ ଉଲ୍ଲେ ସୁରୁପେ ନମଃ ନମଃ ବଜ୍ର ମୁଦ୍ଧେ ଓଁ ଓଁ ଓଁ
ଓଁ ବଦ୍ଧେ ଉଲ୍ଲେ

TADYATHÀ: OM_ SURUPE_ BHANDRA VATI_ MOMGALE ACALE_
ACAPALE_ UGHÀTANI_ UBHEDANI_ SASYA VATI_ DHAJÑA VATI_
DHANA VATI_ 'SRÌ MATI_ PRABHA VATI_ AMALE_ VIMALE_ RURU_
SURUBHE_ VIMALE_ ADATASTE_VIDATASTE_VI'SVA KE'SI _
AÑKULE_ MOMKULE _ DHIDHI ME _ DHUDHU ME _ TATALE _ TARA
TARA _ VAJRE _ AVARTTANI _ BHUKKE OKKE _ TAKE TAKE _
VARṢANI_ NIṢPADANI

ଭଗବାମ୍ ବଜ୍ରାଦି ମାଗା ଉଲ୍ଲାସୟ ନିର୍ଘୋଷୟ
BHAGAVAM VAJRADHARA SÀGARA NIRGHOSHAM TATHÀGATA
MANUSMARA

ସ୍ମାରମ୍

SMARA SMARA

ସର୍ବ ନିର୍ଘୋଷୟ ମତ୍ତ ମନୁସ୍ମାରା

SARVA TATHÀGATA SATYA MANUSMARA

ଦର୍ଶନ ମତ୍ତ ମନୁସ୍ମାରା

DHARMA SATYA MANUSMARA

ସଂଘ ମତ୍ତ ମନୁସ୍ମାରା

SAMGHA SATYA MANUSMARA

ନମଃ ସୁରୁପେ ସୁରୁପେ ନମଃ ନମଃ ସୁରୁପେ ନିର୍ଘୋଷୟ ମାଗା
ଉଲ୍ଲେ ସୁରୁପେ ମୁଦ୍ଧେ ସୁରୁପେ ମୁଦ୍ଧେ ମୁଦ୍ଧେ ମୁଦ୍ଧେ ମୁଦ୍ଧେ ମୁଦ୍ଧେ
ମୁଦ୍ଧେ

TATA TATA _ PURA PURA _ PURAYA PURAYA _ BHARA BHARA
BHARANI _ SUMOMGALE _ 'SANTA MATI _ MOMGALA MATI _
PRABHÀ MATI_ MAHÀ MATI _ SUBHANDRA VATI _ ÀGACCHA
ÀGACCHA

SAMAYA MANUSMARA_ SVÀHÀ

ମାଗା ମନୁସ୍ମାରା ସ୍ଵାହା

À DHÀRA MANUSMARA_ SVÀHÀ

ସୁରୁପେ ମନୁସ୍ମାରା ସ୍ଵାହା

PRABHÀVA MANUSMARA_ SVÀHÀ

दृढ मनुस्मरि स्तुत

DRDHA MANUSMARA _ SVÀHÀ

विजय मनुस्मरि स्तुत

VIJAYA MANUSMARA _ SVÀHÀ

सर्व सत्त्व विजय मनुस्मरि स्तुत

SARVA SATVA VIJAYA MANUSMARA _ SVÀHÀ

Hoàn chỉnh Phạm văn vào ngày 19/06/2006

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA THÁNH CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH

*Hán dịch: Tây thiên Trung Ấn Độ, nước Ma Kiệt Đà, chùa NA LAN ĐÀ Truyền
Giáo Đại Sư Tam Tạng, Sa Môn được ban áo tía là PHÁP THIÊN
phụng chiếu dịch*

Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe có. Một thời Đức Phật ngự trong rừng Đại Cức thuộc nước Kiều Thượng Di cùng với chúng Đại Tỳ Kheo gồm có 450 người đều là chúng Sở Tri Thức, Đại A La hán và các Bồ Tát Ma ha tát, các chúng của Phật Pháp đều đến dự hội, cung kính vây quanh nghe Đức Phật nói Pháp.

Bấy giờ trong Hội có 1 vị trưởng giả tên là Diệu Nguyệt (Sucandra) trú ngụ nơi Đại thành Kiều Thượng Di. Vị trưởng giả như vậy có trí tuệ lớn, phương tiện khéo léo; đông đầy quyến thuộc nam nữ, nô tỳ, tôi tớ đều có đủ căn lành, phát tâm đại thiện.

Lúc đó, Diệu Nguyệt Trưởng giả đến quan sát Đức Thế Tôn và chỗ Phật ngự xong liền cung kính chấp tay, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi nhiễu quanh kinh hành trăm ngàn vòng và lui về một bên, an lành ngồi xuống. Xong rồi, Diệu Nguyệt Trưởng giả bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Ngày hôm nay con muốn thưa hỏi Đấng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Nay trong tâm con có chút việc nghi, nguyện xin Đức Thế Tôn Đại Từ bi vô lượng, vì con mà nói Pháp để khai mở chỗ kết nghi của con.”

Khi ấy, Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: “Nay Ta muốn biết tâm ông nghi ngờ điều gì mà cần phải hỏi. Nếu tâm ông đã nghi thì chẳng nên ôm chứa trong lòng làm chi.”

Diệu Nguyệt Trưởng giả nghe Đức Phật nói xong, lại bạch Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Như kẻ trai lành, người nữ thiện chịu sự nghèo túng thì làm thế nào để chẳng còn nghèo túng nữa? Người bị nhiều bệnh tật phải làm sao để chẳng còn bệnh tật nào?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn là Bạc có đủ Nhất Thiết Trí bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: “Nay có phải ông vì sự nghèo túng nên ôm ấp sự nghi hoặc mà hỏi điều đó chẳng?”

Diệu Nguyệt Trưởng giả bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Nay con chỉ vì sự nghèo túng! Bạch Đức Thế Tôn! Nay con chỉ vì sự nghèo túng! Xin Đấng Thiện Thệ hãy vì quyến thuộc, nam nữ, nô tỳ, tôi tớ ở đông đầy trong nhà và vì con mà nói! Xin Đức Thế Tôn hãy dựa vào câu hỏi của con mà nói Pháp. Chúng sinh bị nghèo túng phải

dùng phương tiện gì khiến cho xa lìa được sự nghèo khổ? Chúng sinh bị nhiều bệnh phải dùng phương tiện gì khiến cho không còn bệnh nữa? Phải làm thế nào để cho kho lương được tràn đầy vật dụng, tài bảo, lúa gạo ... phục vụ cho cuộc sống? Phải làm thế nào để được nhìn thấy điều yêu thích là: vàng, bạc, ma ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, xà cừ, kim cương, vật báu ... kho tàng tràn đầy? Khiến con đem bố thí vẫn không bao giờ hết? Làm thế nào để cho quyến thuộc nam nữ lớn nhỏ trong nhà đều được tôn quý, tự tại?"

Diệu Nguyệt Trưởng giả tác bạch như vậy với Đức Thế Tôn xong. Ngay lúc đó, Đức Phật bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: “Vào vô số kiếp xa xưa ở đời quá khứ, trong đời ấy có Đức Phật ra đời tên là TRÌ KIM CƯƠNG HẢI ĐẠI ÂM THANH Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ta ở chỗ Đức Thế Tôn ấy nghe được Đà la ni tên là : CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ. Nghe Pháp đó xong, ta thường thọ trì đọc tụng, chí thành cúng dường và vì người khác diễn nói Đà la ni đó.

Này Thiện nam tử! Nay Ta vì ông nói Đà la ni này nhằm ủng hộ ông khiến cho hàng người chẳng thể làm hại được, hàng phi nhân cũng chẳng thể làm hại được, hàng Dược Xoa chẳng có thể làm hại được, hàng La Sát chẳng có thể làm hại được, hàng Tát Lệ Đa chẳng có thể làm hại được, hàng Tỳ Xá Già chẳng có thể làm hại được, hàng Ô Sa Đa La Ca chẳng có thể làm hại được, hàng Bố Đan Na chẳng có thể làm hại được, hàng Yết Tra Bố Đan Năng chẳng có thể làm hại được, loài ăn thứ Đại tiện chẳng có thể làm hại được, loài ăn thứ Tiểu tiện chẳng có thể làm hại được, loài ăn mọi thứ vật Tịnh, vật Bất Tịnh cũng chẳng có thể làm hại được.

Diệu Nguyệt Trưởng giả! Cát Tường Trì Thế Đà la ni này, nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện được Đà la ni này rồi đem đặt ở trong nhà cửa của mình hoặc cầm trong tay, cung kính cúng dường. Hoặc dùng tâm suy nghĩ về Kinh Pháp đó. Hoặc được lắng nghe Kinh Pháp đó mà liền thọ trì, đọc tụng, cúng dường hoặc rộng vì người khác giải nói nghĩa thú thì kẻ trai lành, người nữ thiện này ngày đêm thường được vệ hộ an ổn vui thích vừa ý, ăn uống dư dật, được phước đức lớn.

Nếu hay cúng dường Cát Tường Trì Thế Đà la ni Kinh này tức là cúng dường tất cả Bạc Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác trong ba đời: Quá khứ, Hiện tại, Vị lai.

Nếu hay y theo Pháp thường ở trong thời khóa ban đêm niệm trì Đà la ni này 4 biến thì người này liền được Chư Thiên đi đến vệ hộ cho vui vẻ ái lạc. Lại vì người này mà thân cận, tự đi đến giáng mưa thức ăn uống ngon ngọt thượng diệu.

Các hàng Thiên chúng đối với các Như Lai đều mang tâm vui vẻ, đối với các Phật Pháp đều mang tâm vui vẻ, đối với Trí Vô Tướng của Phật đều mang tâm vui vẻ, đối với HÒA HỢP CHÚNG (Chư Tăng) đều mang tâm vui vẻ, đối với vị Thầy nói Pháp (Thuyết Pháp Sư) đều mang tâm vui vẻ.

Đức Phật lại bảo Diêu Nguyệt Trưởng giả rằng: “Nay Ta vì ông với tất cả chúng sinh đời vị lai khiến cho được sự an vui lợi ích lớn.”

Liên nói Cát Tường Trì Thế Đà la ni là:

1. **Nãṅg mô (NAMO)**
2. **La Đát nãṅg đát la dạ đã (RATNATRAYÀYA)**
3. **Nãṅg mô (NAMO)**
4. **Bà nga phộc đế (BHAGAVATE)**
5. **Phộc nhật la đà la (VAJRADHÀRA)**
6. **Sa nga la (SÀGARA)**
7. **Ninh lật khô sái đã (NIRGHOṢÀYA)**
8. **Đát tha nga đá đã (TATHÀGATÀYA)**
9. **Lật hạ đế (ARHATE)**
10. **Tam miệu ngật tam một đà đã (SAMYAKSAMBUDDHÀYA)**
11. **Đát nễ đã tha (TADYATHÀ)**
12. **Tổ lỗ bế (SURÙPE)**
13. **Tổ phộc ná minh (SUVARADE)**
14. **Bà nại lê (BHADRE)**
15. **Tổ bà nại lê (SUBHADRE)**
16. **Bà nại la phộc đế (BHADRA VATI)**
17. **Tán nại la phộc đế (CANDRA VATI)**
18. **Mãng nga lệ, mǎng nga lệ (MAṄGALE MAṄGALE)**
19. **Tổ mǎng nga lệ (SUMAṄGALE)**
20. **Mǎng nga la phộc đế (MAṄGALA VATI)**
21. **A lệ (ALE)**
22. **A tả lệ (ACALE)**
23. **A tả bá lệ (APCAPALE)**
24. **Ôn nậu già đá ninh (UDGHÀTANI)**
25. **Ôn nễ dữu đát ninh (UDDYOTANI)**
26. **Ôn nậu ty ná ninh (UDBHEDANI)**
27. **Ổ thế na ninh (UCCHEDANI)**
28. **Tát đả phộc đế (SASYA VATI)**
29. **Đà nãṅg phộc đế (DHÀNA VATI)**
30. **Đà ninh đã phộc đế (DHÀNVA VATI)**
31. **Thất ly mặt đế (‘SRÌ MATI)**
32. **Bát la bà mặt đế (PRABHÀ MATI)**
33. **A ma lệ (AMALE)**

34. **Vĩ ma lệ (VIMALE)**
35. **Minh lật ma lệ (NIRMALE)**
36. **Lỗ lỗ (RUḤ RUḤ)**
37. **Lỗ lỗ (RUḤ RUḤ)**
38. **Lỗ lỗ phộc để (RUḤ RUḤVATI)**
39. **Tổ lỗ bế (SURÙPE)**
40. **Tạt phả lệ (CAPALE)**
41. **Mãng nga lệ (MAṄGALE)**
42. **A lật bán nãng tất để (ARPANASTHE)**
43. **Vĩ đất nãng tất để (VITTA NÀSTE)**
44. **Yết vĩ nãng tất để (AVINAṢṬE)**
45. **Yết đất nãng tất để (ÀTANASTHE)**
46. **Yết vĩ đất nãng tất để (AVITANÀSTE)**
47. **Yết đà nãng tất để (ADHANASTHE)**
48. **Tức đa la nãng tất để (CITRA NÀSTHE)**
49. **Vĩ thấp phộc kế thủy ninh (VI'SVA KE'SIṆÌ)**
50. **Vĩ thấp phộc lỗ cảm (VI'SVA RÙPE)**
51. **Vĩ truật nãng thủy (VI'SUNA'SI)**
52. **Vĩ thuận đà thí lệ (VI'SUDDHA 'SÌLE)**
53. **Vĩ canh nê ninh (VIGUṆINIYE)**
54. **A nỗ đá lê (ANUTTARE)**
55. **Áng củ lê (AṄGULE)**
56. **Mãng củ lê (BHAṄGULE)**
57. **Bát la bàng củ lê (PRABHAṄGULE)**
58. **Vĩ la minh (VIRAME)**
59. **Vĩ đà minh (VIDHARME)**
60. **Độ minh (DUḤ ME)**
61. **Độ độ minh (DHU DHU ME)**
62. **Ly ly minh (DHI DHI ME)**
63. **Khư khư lệ (KHA KHALE)**
64. **Xí xí minh (KHI KHI ME)**
65. **Khô khô minh (KHU KHU ME)**
66. **Đát đát lệ (TA TÀRE)**
67. **Đa la đa la (TÀRA TÀRA)**
68. **Đát đát la, đát đát la (TA TÀRA , TA TÀRA)**
69. **Đá la đã, đá la đã (TÀRAYA TÀRAYA)**

70. **Phộc nhật lệ, phộc nhật lệ** (VAJRE VAJRE)
71. **Phộc nhật lỗ bát minh** (VAJROPAME)
72. **Tra kế, Tra kế** (ÀÑKE ṬAÑKE)
73. **Xá kế, Xá kế** (DAKE DHÀRAKE)
74. **Ổ kế** (OGHE)
75. **Vũ kế** (BHOGE)
76. **Bạc kế** (PÙGE)
77. **Nại kế** (DAKE)
78. **Đạt kế** (DHAKE)
79. **Đạt la kế** (DHÀRAKE)
80. **A phộc lật đá ninh** (ÀVARTANI)
81. **Bát la phộc lật đá ninh** (PRAVARTANI)
82. **Phộc lật sái nê, phộc phật sái nê** (VARṢAṆI VARṢAṆI)
83. **Ninh sắt bá nại ninh** (NIṢPĀDANI)
84. **Phộc nhật la đà la** (VAJRADHĀRA)
85. **Sa nga la** (SĀGARA)
86. **Ninh lật củ sái đất tha nga đá** (NIRGHOṢA TATHĀGATA)
87. **Mạt lỗ sa ma la** (MANUSMARA)
88. **Tát lật phộc đất tha nghiệt đá** (SARVA TATHĀGATA)
89. **Tát để dã ma nỗ sa ma la** (SATYA MANUSMARA)
90. **Đạt lật ma tát để dã** (DHARMA SATYA)
91. **Ma nỗ sa ma la** (MANUSMARA)
92. **Tăng già tát để dã** (SAMGHA SATYA)
93. **Ma nỗ sa ma la** (MANUSMARA)
94. **Đát tra, Đát tra** (TAṬA TAṬA)
95. **Bố la dã, bố la dã** (PÙRAYA PÙRAYA)
96. **Bố la nê, bố la nê** (PÙRAṆI PÙRAṆI)
97. **Tát lật phộc thương** (SARVA À'SĀ)
98. **Tát lật phộc, tát đất phộc nan tả** (SARVA SATTVĀNĀMCA)
99. **Bà la, bà la** (BHARA BHARA)
100. **Mãng nga lệ** (MAÑGALE)
101. **Phiến đá mặt để** ('SĀNTA MATI)
102. **Truật bà mặt để** ('SUBHA MATI)
103. **Ma hạ mặt để** (MAHĀ MATI)
104. **Mãng nga la ma để** (MAÑGALE MATI)
105. **Bát la bà phộc để** (PRABHĀ VATI)

106. Bà nại la phộc đễ (BHADRA VATI)
 107. Tố tán nại la ma đễ (SUCANDRA MATI)
 108. A nga tả, A nga tả (ÀGACCHA ÀGACCHA)
 109. Tam ma dã ma nõ tam ma la (SAMAYA MANUSMARA)
 110. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)
 111. A phộc la noa ma nõ sa ma la (ÀVARAᅆA MANUSMARA)
 112. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)
 113. A đà la ma nõ sa ma la (À DHÀRA MANUSMARA)
 114. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)
 115. Bát la bà phộc ma nõ sa ma la (SVABHÀVA MANUSMARA)
 116. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)
 117. Sa phộc bà phộc ma nõ sa ma la (PRABHÀVA MANUSMARA)
 118. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)
 119. Địa ly đễ ma nõ sa ma la (DRᅆHI MANUSMARA)
 120. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)
 121. Đễ nhạ ma nõ sa ma la (TEJA MANUSMARA)
 122. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)
 123. Nhập dã ma nõ sa ma la (JAYA MANUSMARA)
 124. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)
 125. Vĩ nhạ dã ma nõ sa ma la (VIJAYA MANUSMARA)
 126. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)
 127. Ngột ly ná dã ma nõ sa ma la (HRᅆDAYA MANUSMARA)
 128. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)
 129. Tát lật phộc tát đát phộc ma nõ sa ma la (SARVA SATTVA
 MANUSMARA)
 130. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)

Lại nói CÁT TƯỜNG TRÌ THỂ CĂN BẢN MINH là:

1. Nặng mô
 2. La đát nặng đát la dạ dã
 3. ÁN
 4. Phộc tố đà lê
 5. Sa phộc hạ
 6. ÁN
 7. Thất ly phộc tố mẫu ninh
 8. Sa phộc hạ
- ☞ NAMO RATNATRAYÀYA

OM _ VASU DHÀRE _ SVÀHÀ
OM _ 'SRÌ VASU MUNI _ SVÀHÀ

Tâm Minh là:

1. Năng mô
2. La đất năng đất la dạ đã
3. ÁN
4. Phộc tổ thất ly duệ
5. Sa phộc hạ
6. ÁN
7. Thất ly
8. Phộc tổ ma đở
9. Thất ly duệ
10. Sa phộc hạ
11. ÁN
12. Phộc tổ
13. Sa phộc hạ
14. ÁN
15. Lạc khất sô nhĩ phổ đá lạc ninh
16. Phộc tổ ninh duệ
17. Sa phộc hạ
18. Năng mô
19. Phộc nhật la bá na duệ
20. Thất ly duệ, thất ly ca ly
21. Đà năng ca ly
22. Đà ninh đã ca ly
23. Sa phộc hạ

☞ NAMO RATNATRAYÀYA

OM VASU 'SRÌYE SVÀHÀ

OM 'SRÌ VASU MATI 'SRÌYE SVÀHÀ

OM VASU SVÀHÀ

OM LAKṢMI BHÙ TÀRAṆI VASINÌYE SVÀHÀ

NAMO VAJRAPÀṆAYE – 'SRÌYE – 'SRÌ KARE _ DHÀNA KARE –
DHÀNÀYA KARE SVÀHÀ

(Bản khác ghi nhận bài **Tâm Minh** như sau:

NAMO RATNATRAYÀYA

OM VASU 'SRÌYE SVÀHÀ

OM ‘SRÌ VASUMATI ‘SRÌYE SVÀHÀ
OM VASU SVÀHÀ
OM LAKŚMI PUTRA NIVÀSINIYE SVÀHÀ
NAMO VAJRAPÀÑÀYE ‘SRÌYE, ‘SRÌ KARI, DHANA KARI, DHÀN YA
KARI SVÀHÀ)

Đức Phật lại bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: “ **Cát Tường Trì Thế Đà la ni** này có uy đức lớn. Nếu các ông hay tùy thời trì tụng thì hết thảy mọi nạn về bệnh tật, đói kém, mất mùa, Thiên thọ đều chẳng có thể xâm phạm được.

Nếu lại có người ở ngay trong nhà cửa của mình, hoặc nhà người khác, hoặc tùy nơi cư ngụ mà cúng dường TRÌ KIM CƯƠNG HẢI ĐẠI ÂM THANH Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác và chí tâm trì niệm Cát Tường Trì Thế Đà la ni này, đầy đủ mọi thứ cúng dường trong sáu tháng. Như vậy, tùy theo điều cầu nguyện với việc tăng ích đều được thành tựu.

Nếu lại có người y theo Pháp chọn lựa nơi thanh tịnh hoặc trong kho lương dùng Bạch Đàn hương xây dựng Tứ phương Man Noa La. Xong, thỉnh triệu, cúng dường Trì Kim Cương Hải Đại Âm Thanh Như Lai với tất cả Phật, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát, các hàng Bồ Tát, Thánh chúng; thường ở ban đêm chí tâm niệm Cát Tường Trì Thế Đà La Ni khiến cho không bị gián đoạn cho đến lúc thành tựu thì kẻ trai lành, người nữ thiện này liền được người có uy đức lớn đi đến giảng phước giúp đỡ, tùy theo điều cầu nguyện khiến cho được mãn túc tất cả tài vật, lúa gạo, vàng bạc, trân bảo; tất cả việc khủng bố nhiễu loạn đều được tiêu trừ.

Này Diệu Nguyệt Trưởng giả! Nếu các ông hay tinh tiến thọ trì, niệm Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này mà hay rộng vì người khác giải nói thì hay khiến cho ông ngày đêm được sự lợi ích an vui trên cõi đời và cõi nhân gian”.

Diệu Nguyệt Trưởng giả ca ngợi rằng: “Lành thay! Đức Thế Tôn khéo nói.”

Diệu Nguyệt Trưởng giả ở nơi Đức Thế Tôn lắng nghe được Cát Tường Trì Thế Đà la ni đó xong thì tâm sinh ái lạc, vui mừng hơn hở , sắc mặt tươi vui đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này. Từ nay về sau con vĩnh viễn không để cho quên mất, mà luôn ghi nhớ, thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa ấy, cúng dường cung kính và vì người khác diễn nói Pháp đó.”

Lúc đó, trong nhà của Diệu Nguyệt Trưởng giả, trong khoảng thời gian bằng các búng tay, đột nhiên có mọi thứ vàng bạc, trân bảo, lúa gạo, tài vật tràn đầy các kho lương.

Bấy giờ Diệu Nguyệt Trưởng giả chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn không hề chớp mắt rồi lại nhiễu quanh hàng trăm ngàn vòng, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi lui ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A Nan Đà rằng: “Ngay hôm nay ông hãy đến ngôi gia của Diệu Nguyệt Trưởng giả rồi vào trong nhìn xem có bao nhiêu thứ tài vật, lúa

gạo, vàng bạc, châu báu đã tràn đầy trong mọi kho lương, kho tàng của Trưởng giả ấy chưa?”

Khi đó, A Nan Đà nghe lời Đức Phật dạy xong, liền mau chóng đi đến ngôi gia của Diệu Nguyệt Trưởng giả nơi Đại thành Kiều Thượng Di. Đến nơi rồi, Ngài vào xem và nhìn thấy bao nhiêu thứ tài vật, lúa gạo, học thực, vàng bạc, trân bảo, thấy đều tràn đầy trong mọi loại kho lương rộng lớn.

Lúc A Nan Đà đột nhiên nhìn thấy việc như vậy thì trong lòng kinh ngạc, mỉm cười và khởi tâm ái lạc, vui vẻ hơn hở. Thời A Nan Đà tuân phụng lời dạy của Đức Phật xong liền quay về chỗ Đức Phật ngự, cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi bạch với Đức Phật rằng: “Diệu Nguyệt Trưởng giả dùng nhân duyên nào mà được phước rộng lớn như vậy? Lành thay! Thế Tôn! Nguyện xin vì con mà diễn nói việc đó.”

Đức Phật bảo A Nan Đà rằng: “Diệu Nguyệt Trưởng giả này có Đại Trí Tuệ, vì hay phát tâm nhờ giữ vĩnh viễn không có quên mất, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, cung kính, suy tư diệu lý, phát Đại Từ Bi vì chúng sinh khác giải nói Pháp đó, nên hay khiến cho ông ấy được công đức thù thắng chẳng thể luận bàn. Trong vô lượng đời thường vì Chư Thiên với người ở Thế gian diễn nói Pháp đó.

A Nan Đà! Đà la ni này thật là điều hiếm có. Tất cả Thiên Ma, Đại Phạm Thiên Vương, Sa Môn, Bà La Môn chúng, Trời, Người, A Tố La ... đối với Cát Tường Trì Thế Đà la ni này thường nên phát tâm tôn trọng cung kính chẳng nên khởi tâm phá hoại, khinh chê.

A Nan Đà! Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này, các Chú chẳng có thể phá hoại được. Nếu chúng sinh không có căn lành, chúng sinh kém phước thì dù có tai cũng chẳng được tạm nghe, huống chi có thể biết Đà la ni này được ghi ở trong Kinh đó mà tâm ghi nhớ; miệng diễn nói thọ trì đọc tụng được. Tại sao vậy? Vì Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này là nơi diễn nói của tất cả Như Lai; là nơi gia trì của tất cả Như Lai; là nơi mà tất cả Như Lai đồng ấn khả, giải thích, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi; là Pháp Tối Thắng vi diệu rất khó giải bày. Tất cả Như Lai, mỗi một tâm đều không có sai khác, dùng một âm thanh diễn Pháp này khiến cho các chúng sinh đều được giải rõ.

Nay Ta vì các chúng sinh chịu nhiều sự khổ vì nghèo túng, bệnh tật, cái ác khủng bố tất cả sự nhiễu loạn, việc không thể chịu nổi khiến cho người thọ nhận các điều ấy được sung túc, an ổn, khoái lạc.

Bấy giờ, A Nan Đà nghe Đức Phật nói về Cát Tường Trì Thế Đà la ni này xong liền phát tâm ghi nhớ, thọ trì, đọc tụng, suy tư giải rõ, tôn trọng cúng dường. A Nan Đà từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai bên phải, quỳ gối bên phải sát đất chấp tay hướng về ban chân của Đức Phật. Thời A Nan Đà kính lễ Đức Phật xong liền phát tâm chí thành, nói Nga Tha (Gatha) đó mà ca ngợi rằng:

Chư Phật Thế Tôn khó luận bàn

*Pháp do Phật nói khó luận bàn
Phát tâm hoan hỷ khó luận bàn
Thuận hiện thọ báo khó luận bàn
Thiên Nhân Sư Trí Nhất Thiết Trí
Đến bờ bên kia là sinh tử
Lễ quả vô thượng thành Pháp Vương
Nay con xưng tán Pháp vô úy*

Lúc đó, A Nan Đà nói lời ca ngợi đó xong liền vui vẻ hơn hở bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Kinh này có tên gọi như thế nào? Nay con phụng trì như thế nào?”

Đức Phật bảo A Nan Đà rằng: “Như lời ông hỏi thì Kinh này có tên Diệu Nguyệt Trường giả Sở Vấn Kinh; Đắc Nhất Thiết trì Bảo Kho Tàng Thọ Trì Pháp Kinh. Lại có tên gọi là: Nhất Thiết Như Lai Sở Thuyết Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh. Các ông cần thọ trì như vậy.”

Đức Phật nói kinh đó xong thì A Nan Đà với các Tỳ Kheo, Bồ tát ma ha tát, tất cả Trời, Người, A Tố La, Càn Đát Phộc ... của thế gian đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành, làm lễ rồi lui ra.

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA THÁNH CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH
HẾT

03/05/2006

THÁNH TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Tây thiên dịch kinh Tam tạng triều Đại phu Thi Hồng Lô Thiếu Khanh – Truyền Pháp Đại Sư THI HỘ phụng chiếu dịch.

Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ, Trì Thế Bồ Tát bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu lại có người thọ trì, đọc tụng Đà la ni này thì phải thọ trì như thế nào? Nguyện xin Đức Phật diễn nói.”

Khi đó, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người ở mỗi đầu tháng, vào ngày mồng một của tháng Bạch Nguyệt, một mình đi vào dòng sông của biển cả và ngâm mình trong làn nước sao cho nước ngập đến vú, xong quay mặt về phương Đông, hướng về mặt trời, chấp tay mà đứng. Bắt đầu từ lúc mặt trời ló dạng, cho đến lúc mặt trời lặn, tụng trì chú này. Từ nước đi ra, xong nhịn ăn 7 ngày, ngày đêm tụng trì và đừng nói chuyện với người khác. Sau đó, liền vẽ bản hình của Trì Thế. Muốn điểm tô sắc vẽ thì dùng tâm trân trọng đem nước hương Bạch Chiên Đàn xoa lên lụa rồi để trải qua một túc (1 đêm hay một thời hạn) biểu thị cho tâm cúng dường, khiến người Thầy, người thọ vẽ phải thọ Tế giới, tắm gội mặc quần áo mới, khởi tâm trân trọng y theo Pháp điểm tô sắc vẽ trang nghiêm. Bức tượng cao 10 khuỷu tay, ngang rộng 3 khuỷu tay, sắc vẽ màu xanh lục đậm, ngồi trên hoa sen, trang nghiêm vô lượng, sắc vẽ tươi tắn tinh khiết, ánh hào quang sáng như mặt trời, tay phải cầm trái cây, tay trái làm thế an ủy, dung mạo ôn hòa vui vẻ, ngồi ở phía trước Long cung (cung điện của Rồng) tay nâng hộp báu Trân châu, Bình báu, San hô, mã não, vàng bạc, lưu ly đủ mọi loại báu. Tĩnh tâm cúng dường, phía bên trên an bày Chư Thiên với mây báu, mưa báu, lưới báu. ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN, tay nâng hoa sen an ủy bên phải. CÁT TƯỜNG BẢO CHUỖNG đứng hầu bên trái, hình sắc nghiêm mẫn với lưu ly nghiêm thân, tay nâng hoa sen làm tướng an ủy. Tượng TRÌ THẾ được đặt ở nơi có XÁ LỢI (Xá Lợi Xứ) đem nước hương Át Già mọi thứ thức ăn nhỏ nhiệm, hoa an, Tô, dầu, đèn sáng cúng dường. Lại đem diệp hoa, Tô, dầu, hương, đèn, thức ăn uống, mọi loại cúng dường TÂN NA với DẠ CA để hi vọng không có Ma sự (việc chướng ngại, chướng nạn)

Cúng dường xong lại dùng Chiên Đàn, Trâm Thủy với các diệp hương, Tô hương, dầu, đèn, vô lượng cúng dường rồi đối mặt quán tưởng trước tượng Bồ Tát, chí tâm chuyên chú, ngồi ngay thẳng trì tụng. Bắt đầu từ giờ Dần (5h-7h sáng) đi vào trong Đàn hoặc 7 ngày hoặc 14 ngày cho đến 1 ngày, đến lúc mặt trời mọc thì cầu nguyện tất ứng thủy đều thành tựu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người vào nửa đêm ngăm mình trong nước tụng trì chú này mãn 80 biến thì ngay trong tháng sẽ được mãn ước nguyện.”

Đức Phật bảo:”Trì Thế ! Nếu có người vào lúc nửa đêm y theo Pháp tụng TRÌ THẾ BỒ TÁT, y theo Pháp Khiết Tĩnh thì ở trong 6 tháng ắt được ước nguyện”

Đức Phật bảo:”Trì Thế! Nếu lại có người cất dấu tài vật. Sau đó phát tâm y theo pháp tụng thì ắt trì ắt có được tài vật.”

Đức Phật bảo:”Trì Thế! Nếu lại có người muốn cầu địa vị vẻ vang(vinh vị), ban ngày ngăm mình trong nước tụng trì chú này, đến nửa đêm lại dùng hạt mè mà làm Hộ ma : Lấy 1 hạt, niệm 1 biến rồi 1 lần thiêu đốt cho đến 800 biến ắt được Đại hỷ, phú quý mãn túc”

Đức Phật bảo:”Trì Thế! Nếu lại có người đem hạt cải trắng hòa chung với Tô 1 lần niệm lấy 1 hạt rồi 1 lần thiêu đốt. Dựa theo lúc trước tác Pháp cũng làm Pháp Hộ ma thì Nhà Vua được mừng vui, đất nước không có tai họa.”

Đức Phật bảo:”Trì Thế! Nếu lại có người đem sữa, diệp hương hòa chung với Tô rồi làm Pháp hộ ma. Dựa theo lúc trước tác Pháp thường hay chặn đứng tất cả tai nạn của Đại Thần.”

Đức Phật bảo:”Trì Thế! Nếu lại có người nửa đêm chí tâm tụng trì danh hiệu Bồ Tát y theo Pháp hộ tĩnh thì trong 7 ngày được Đại tài hỷ thành tựu cụ túc.”

Đức Phật bảo:”Trì Thế! Nếu lại có người vào mùng 1 của tháng Bạch nguyệt bắt đầu tác pháp thọ trì, Tế giới, ở chỗ chứa Xá Lợi đặt tượng Bồ Tát y theo Pháp cúng dường, ghi nhớ tụng trì, danh hiệu của Bồ Tát, chí tâm cầu nguyện thì Bồ Tát ắt hiện hình biến hóa (hóa hình) ở trước mặt an ủi, được bất thoái chuyển, khởi Bồ Tát hạnh.”

Đức Phật bảo: “Trì Thế! Nếu lại có người ăn uống tinh khiết (Tố thực) hành phạm hạnh, cắt đứt việc ăn thịt uống rượu, ngày đêm hằng tụng sẽ được đại phú quý.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói nghi quỹ này gọi là CĂN BẢN CHÚ. Liền ở trong chúng hội mà nói chú là:

1. Nãṅg mō la đát nãṅg đát la dạ dã. ÁN

2. Phộc tô đà lý, tát phộc hạ

3. ÁN lạc khất xoa nhĩ bộ đa la nễ

4. Phộc tất ninh duệ, tát phộc hạ

↳ NAMO RATNATRAYA

OM VASU DHARE SVÀHÀ

OM LAKṢMI BHÙ TÀRAṆI VASINÌYE SVÀHÀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú này xong lại bảo Trì Thế rằng: “Có bao nhiêu ấn Pháp biểu thị cho Tâm Pháp cũng gọi là ngoại biểu (biểu thị bên ngoài). Lúc tác ấn này, đem, hai bàn tay chấp lại giữa rỗng. Lại đem ngón trở co ngay phần chính giữa,

dựng ngón vô danh. Ngón út như tính toán mà tự nhau cài. Hình trạng ngón giữa lượng thẳng như cây kim. Ấn hình này cùng trí ở 8 phương ấy mỗi mỗi cách nhau. Đây là ấn Nghi quỹ của Trì Thế, y theo Pháp kết ấn, tụng Trì minh chú này thì tất cả sự cầu nguyện đều được thành tựu, lợi ích rộng rãi cho hữu tình.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

“Ấn-thất-ly duệ, Thất-ly ca ly, Đằng năng ca ly, Đa nễ dã ca ly, Tát phộc hạ”

☞ OM SRÌYE ‘SRÌ KARE DHÀNA KÀRE DHÀNÀYA KÀRE SVÀHÀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú này xong lại bảo Trì Thế rằng: “TAM MUỘI ấn này trước tiên nên chấp hai tay lại, đem ngón cái co vào trong lòng bàn tay. Đây gọi là ấn TAM MUỘI Trì thế.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói chú là:

“Ấn- Tam ma duệ Tảo di-duệ Tam ma dã ca ly, ma hạ tam ma duệ, tát-phộc hạ.”

☞ OM SAMAYE SAUMYE SAMAYA KARE MAHÀ SAMAYE SVÀHÀ

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo TRÌ THẾ rằng: “Ấn Tam Muội Thân chú này là như vậy.

Lại nữa, Trì Thế! Nên đem ngón trở co ở lóng thứ ba của ngón giữa, dựng ngón cái. Ấn này gọi là ẤN CĂN BẢN của Trì Thế Bồ Tát. Lúc triệu thỉnh Thánh Hiền với lúc đưa tiễn Thánh Hiền thì đều tác ấn này.”

Đức Phật bảo Trì Thế: “Nên đem ngón trở hướng ra bên ngoài duỗi ngang. Đây gọi là HOA ẤN.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

“ẤN - phộc tô địa tát phộc hạ”

☞ OM VASUNI SVÀHÀ

Đức Phật bảo: “Trì Thế! Hoa Ấn, chú này hãy thọ trì như vậy.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn lại bảo: “Trì Thế! Nếu lại có người nên đem ngón giữa mà đều duỗi ngang. Đây gọi là Hương Ấn.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

“ẤN - Phộc tô đà ly tát phộc hạ”

☞ OM VASU DHÀRE SVÀHÀ

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói chú này xong liền bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người đem ngón vô danh hướng ra ngoài mà duỗi. Đây gọi là ĐỒ HƯƠNG ẤN.” Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

“ẤN – Phộc tô ma để thất ly duệ tát phộc hạ”

☞ OM VASU MATI ‘SRÌYE SVÀHÀ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú này xong lại bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người cần đem và ngón cái cùng vịn nhau, duỗi ba ngón còn lại như Tam Cổ Kim Cương. Đây gọi là ĐĂNG ẤN. Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói chú là:

“ **ÁN - Phộc tô Đà la ni tát phộc hạ** ”

☞ OM VASU DHÀRAṆI SVÀHÀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú xong liền bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người cần đem hai bàn tay như thế bụm nước, dùng ngón cái giao kết vượt qua phía ngoài của ngón trỏ. Đây gọi là THỰC ẤN.” Lúc đó, Đức Thế Tôn nói chú là:

“ **ÁN - Đà la ni Đà la ni tát phộc hạ** ”

☞ OM DHÀRAṆI DHÀRAṆI SVÀHÀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú này xong, lại bảo Trì Thế rằng: “Các thứ cúng dường còn lại đồng với Ấn Căn bản, chú vào để gia trì. Nếu thường dùng Pháp Thí thời dùng Ấn Chú thường mà gia trì.

Nếu lại có người vẽ sắc vẽ của tượng Trì Thế Bồ Tát thì nên dùng lụa mới mịn tốt không có lỗi tí vết, y theo trữ lượng của Phật, dài khoảng hai tấc. Tượng bên trên vẽ tượng Phật, bên phải là tượng Quan Âm Thánh Tự Tại, bên trái vẽ tượng Kim Cương Thủ. Từ khoảng giữa của tượng Phật là tượng Trì Thế, với hình màu vàng ròng. Tay phải của Bồ Tát làm tướng Thí Nguyện, trang nghiêm bằng mọi thứ trân châu, lưu ly cho đến mã não đều dùng để nghiêm sức.

Ở phía dưới về bên phải vẽ người tụng trì, tay phải đỉnh lễ, tay trái cầm cái mào. Ở trong thán Bạch nguyệt, tô vẽ Bồ Tát ở đây tụng trì 10 vạn biến và tùy sức mà cúng dường.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người muốn trồng tủa ruộng thì người tụng trì tắm gội, mặc quần áo mới thọ trì Tế giới. Dem tượng Bồ Tát đặt ở trong ruộng. Lại dùng hương bột, hoa man, lưu ly, thức ăn uống tế diệu trân trọng cúng dường, niệm tên Bồ Tát đến 800 biến. Lại ở trước tượng gia trì nước thơm, tụng 800 biến xong rót vào Hiền Bình đặt ở trước tượng, khiến người trồng tủa ruộng với con bò, tay trồng thẳng hàng mà đứng. Dùng nước của Hiền Bình rưới vẩy và người tụng trì hiểu quanh đất ruộng này với người cày và con bò đi 7 vòng xong có thể hạ hạt giống.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người muốn gặt hái ruộng, ở 4 góc đất đặt thêm khiến cho ngang bằng, ăn uống như Pháp. Người tụng trì này tắm rửa, mặc quần áo sạch, thọ trì Tế giới. Lại đem Tôn tượng đặt ở trong ruộng. Lại dùng hoa, hương, đèn, đuốc, thức ăn uống, mọi loại cúng dường, tụng chú gia trì măn 800 biến. Lại gia trì rồi, đem Tôn tượng Bồ Tát ở mặt Đông, dùng hương, bột, tô, dầu, hoa man, thức ăn uống, tĩnh tâm trong kho đốt mọi diệu hơng và đem mọi hoa, nước thơm Át Già, dùng lọng, phướng, Phan với các thứ cúng dường. Lại đem tượng Bồ Tát đặt ở trong kho ... Lại dùng sữa bò rưới vẩy bên trong kho, tụng trì chân ngôn, trừ bỏ các vật rồi mới nhập tài cốc vào thì sẽ tốt lành không có tai họa.

Lại nữa Trì Thế! Nơi kho tàng này đặt bày thức ăn với hương hoa cúng dường, thọ trì đọc tụng Đà la ni này sẽ lìa các tai nạn.

Lại nữa Trì Thế! Nếu lại có người dùng tơ lụa ngũ sắc viết chéo kinh Trì Thế Đà la ni. Lại dùng hương xông ướp, đọc tụng rồi đội lên đầu thì phước tăng vô lượng, chận trừ được tai nạn.

Đức Phật bảo Trì Thế! Nếu có người thọ trì. Trước tiên nên tĩnh tâm tụng 800 biến. Một ngày 3 thời tụng Đà la ni này thì ước nguyện sẽ ứng Bồ Tát gia hữu (sẽ gia trì giúp đỡ).

Lại nữa Trì Thế! Nếu lại có người cầu các ước nguyện. Ở ngay mình đứng dùng, hướng về góc Đông Bắc khởi hình tượng Thánh Trì Thế Bồ Tát dùng tơ lụa ngũ sắc y theo tô vẽ cho đến lúc xong việc. Tố tĩnh an trí, rồi chí tâm cúng dường nước thơm Át Già, hương xoa, hương đốt, Chiên Đàn Trầm thủy, đủ mọi loại hương. Lại dùng 5 loại báu, 5 loại thuốc với 5 loại lúc bỏ vào bình Át Già rồi đặt tơ lụa lên trên, dùng mở cái bình này, y theo Pháp tụng trì Đà la ni này thì tất cả ước nguyện thấy đều mãn túc, tài vật tăng trưởng, được phước vô lượng.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo: “Trì Thế! Nếu có chúng sinh muốn làm kho lương thì tùy theo lượng lớn nhỏ. Như lúc muốn lấy thì nên dùng bơ, thức ăn cúng dường Tôn tượng y theo Pháp tụng trì Đà la ni này 120 biến mãn túc số này, sau đó mới lấy ra sẽ ngưng trừ mọi nạn.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người cầm giữ tiền đi xa, cốt nhục ưu phiền thì nên dùng Bạch Toa (cỏ gấu, củ của nó là vị thuốc Hương Phụ tử, cỏ cây chà xát lấy chất lỏng), Ngưu Hoàng, Uất Kim, Long Não, Đàn Hương, Xạ Hương làm thành nước Át Già, vạch chia nơi thuyền lớn, tĩnh tâm tụng trì Đà la ni này thì người cầm tài vật đi xa ấy sẽ mau chóng theo lối bằng phẳng tốt lành quay về, đồng thời tiền của cũng tăng được nhiều hơn.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

“ Đát nễ dã tha, tức lệ tức lệ A nga tha A nga tha bả nga phộc đế ”

☞ TADYATHÀ: ‘SRÌ ‘SRÌ AGACCHA AGACCHA BHAGAVATE

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú này xong lại bảo: “ Trì Thế! Đà la ni này nếu hay thọ trì sẽ hay mãn tất cả ước nguyện của hữu tình, ví như Thủy Đại tràn khắp mặt đất. Lại như ánh sáng mặt trời hay phá các ÁM, giống như ánh sáng mặt trăng đem sự trong mát cho vạn vật.”

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói chú là:

- 1. Đát nễ dã tha đà nãng nô**
- 2. Phộc lỗ noa**
- 3. Thất ninh phộc**
- 4. Ấn nại la**
- 5. Thất ninh phộc**

6. Tô đế nhạ sa
7. Ma nỡ
8. Nỡ ma hô
9. Túc đá dã đở
10. Thiết đá đảm
11. Tát na bát la dã tham
12. Dã tha ca lãng
13. Tát điện đở
14. Mãn đất la phả na
15. Nễ hạ

□

1. Đất nễ dã tha
2. Khư tra khư tra
3. Khế chí khế chí
4. Cự trác cự trác
5. Tô lỗ tô lỗ
6. Mẫu lô mẫu lô
7. Môn tả môn tả
8. Nặng ma ly
9. Nặng ma ly
10. Nê tứ nê tứ
11. Nại ba dã
12. Nại ba dã
13. Bát đất la
14. Để sắt xá để
15. Tứ la nê dã
16. Tô phộc la noa
17. Bát la nại ba dã
18. Sa phộc hạ
19. Phộc tô địa
20. Sa phộc hạ
21. A nậu Đấp hán nặng dã
22. Sa phộc hạ
23. Phộc hộ địa
24. Sa phộc hạ
25. Phộc tô đà

- 26. Địa đá duệ
- 27. Sa phộc hạ
- 28. Ngu kiêu
- 29. Sa phộc hạ
- 30. Tô la tị
- 31. Sa phộc hạ
- 32. Ẩn nại la dã
- 33. Sa phộc hạ
- 34. Phộc lỗ noa dã
- 35. Sa phộc hạ
- 36. Phệ thất la ma noa dã
- 37. Sa phộc hạ
- 38. Ninh thế tỷ dụ
- 39. Vĩ ninh thế tỳ dước
- 40. Sa phộc hạ

Ổ đáp ba nại diễn đồ nhĩ kiếm khất xoa năng ha A vĩ la ha năng noa mô nại diễn đồ. ÁN đất tô tứ mê ninh tứ nại nại ba dã Sa phộc hạ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú này xong, bảo Trì Thế rằng: “Chú này có tên là: Trì Thế Bồ Tát tâm Đà la ni. Nếu có người tinh tâm thọ trì Đà la ni này, ghi nhớ chẳng quên thì hay diệt được tội nặng, được phước vô lượng, xả ly ba ác, viên mãn phú quý. Nơi các ước nguyện không có gì không đầy đủ cho đến cứu cánh thành quả vô thượng.

Lúc ấy trì Thế Bồ Tát với các Thánh chúng nghe điều Đức Phật nói đều vui vẻ vô lượng cúi đầu lễ dưới chân Đức Phật và tin nhận phụng hành.

THÁNH TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH
HẾT

03/02/1997